

BỘ THƯƠNG MẠI

THÔNG TƯ số 6-TM/XNK ngày 16-5-1994 hướng dẫn bổ sung thi hành Quyết định số 78-TTg ngày 28-2-1994 của Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp theo Thông tư số 4-TM/XNK ngày 4-4-1994 của Bộ Thương mại;

Căn cứ ý kiến của Thủ tướng Chính phủ (tại văn bản số 2448-KTTH ngày 6-5-1994);

Sau khi thống nhất ý kiến với Tổng cục Hải quan, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Thương mại điều chỉnh và giải thích một số điểm trong Quyết định số 238-TM/XNK ngày 24-3-1994 và Thông tư số 4-TM/XNK ngày 4-4-1994 như sau.

Phần thứ nhất

NHỮNG VẤN ĐỀ THUỘC QUYẾT ĐỊNH SỐ 238-TM/XNK

A. ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN:

I. Mặt hàng cấm xuất khẩu: Tại điểm I/5 có "song nguyên liệu", nay bổ sung thêm "mây nguyên liệu".

II. Mặt hàng cấm nhập khẩu:

Ngoài những mặt hàng đã nêu trong Quyết định số 238-TM/XNK, nay bổ sung thêm:

1. Việc nhập khẩu xe hai bánh gắn máy có dung tích xylanh từ 175 phân khối trở lên vẫn được áp dụng theo các quy định tại Quyết định số 258-TTg ngày 29-5-1993 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thủ tướng Chính phủ đã quyết định không cho nhập khẩu ô-tô tay lái nghịch (các văn bản số 3648-KTTH ngày 23-7-1993, số 4915-KTTH ngày 30-9-1993 và 2415-KTTH ngày 5-5-1994).

3. Đối với các nhóm, mặt hàng đã qua sử dụng thuộc diện điều chỉnh của văn bản số 250-KTTH ngày 19-1-1994 của Văn phòng Chính phủ thì phải tuân theo các quy định trong văn bản đó.

B. GIẢI THÍCH VĂN BẢN:

1. Tại điểm II/1 có "vật liệu nổ": trừ Coalimex là đầu mối duy nhất được giao nhập khẩu 4.200 tấn. Trường hợp này, Thủ tướng không cần phải có văn bản trực tiếp giao nhiệm vụ cho Coalimex, chỉ cần văn bản của Bộ Thương mại. Các trường hợp khác, phải có văn bản của Thủ tướng trực tiếp giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp, theo đó, Bộ Thương mại sẽ có văn bản hướng dẫn Phòng Giấy phép.

Cả hai trường hợp trên, Phòng Giấy phép đều phải căn cứ vào văn bản của Bộ Thương mại để cấp giấy phép nhập khẩu theo quy định số 297-TMDL/XNK ngày 9-4-1992.

2. Tại điểm II/6 có "thuốc lá điếu": trường hợp nhập khẩu của các doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh của hàng miễn thuế thì, căn cứ vào văn bản cho phép của Bộ Thương mại, Phòng Giấy phép cấp giấy phép nhập khẩu theo quy định số 297-TMDL/XNK ngày 9-4-1992. Trường hợp chuyển khẩu hoặc tạm nhập để tái xuất thì căn cứ văn bản cho phép của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ Thương mại.

3. Tại điểm II/7 có "hàng tiêu dùng đã qua sử dụng": được hiểu là tất cả các loại hàng tiêu dùng, không phải chỉ là các loại hàng ghi trong danh sách đơn.

4. Tại điểm II/7 có "tài sản di chuyển" và tại điểm II/8 có "xe và phương tiện tự hành đặc chủng có phạm vi lưu hành hẹp": hai vấn đề này Bộ Thương mại cùng Tổng cục Hải quan sẽ bàn với các Bộ hữu quan như quy định tại Quyết định số 238-TM/XNK ngày 24-3-1994 và sẽ có hướng dẫn sau. Trong khi chờ hướng dẫn, các Phòng Giấy phép không được cấp giấy phép nhập khẩu chuyển cho bất kỳ doanh nghiệp nào nếu không có văn bản cho phép của Bộ Thương mại.

5. Tại điểm II/7 có "phụ tùng cũ": được hiểu là bao gồm cả linh kiện cũ.

6. Đối với những nhóm, mặt hàng trước đây được chủ động nhập khẩu theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh nhưng từ ngày 1-4-1994 lại thuộc diện cấm nhập khẩu, sẽ được xử lý theo công văn số 241-TCHQ/GQ ngày 28-3-1994 của Tổng cục Hải quan và biên bản làm việc giữa Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan hướng dẫn thi hành Quyết định 238-TM/XNK ngày 24-3-1994 và Thông tư số 4-TM/XNK ngày 4-4-1994.

Các trường hợp vượt quá phạm vi điều chỉnh của công văn 241-TCHQ/GQ ngày 28-3-1994, Phòng Giấy phép chỉ cấp giấy phép mới hoặc gia hạn giấy phép cũ khi được Bộ Thương mại chấp thuận bằng văn bản.

Phần thứ hai

NHỮNG VẤN ĐỀ THUỘC THÔNG TƯ SỐ 4-TM/XNK

A. ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN:

I. Về Danh mục số 3:

1. Về xe hai bánh gắn máy (nguyên chiếc và linh kiện):

1.1. Xe máy mới, nguyên chiếc:

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc gom đầu mối nhập khẩu xe máy nguyên chiếc, Bộ Thương mại quy định:

a) Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là tỉnh) và mỗi Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác thuộc Chính phủ, mỗi cơ quan Trung ương của đoàn thể có doanh nghiệp xuất nhập khẩu (dưới đây gọi tắt là Bộ) được Bộ Thương mại chỉ định một doanh nghiệp nhập khẩu xe máy mới nguyên chiếc.

Riêng đối với thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, các Bộ Giao thông vận tải, Thương mại... (là các trung tâm thương mại, ngành vận tải, ngành chuyên kinh doanh), được chỉ định thêm một số doanh nghiệp.

Với quy định trên, năm 1994, trong cả nước sẽ có gần 100 doanh nghiệp được nhập khẩu xe máy nguyên chiếc. Việc lựa chọn doanh nghiệp làm đầu mối dựa vào các điều kiện sau đây:

- Có Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng hoặc chuyên doanh ô-tô, xe máy.

- Có kim ngạch xuất khẩu năm 1993 cao so với các doanh nghiệp có Giấy phép, ngành hàng cùng loại của Bộ, tỉnh (trừ kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng Nhà nước tập trung đầu mối).

- Trong kinh doanh xuất nhập khẩu (năm 1992, 1993) không vi phạm quy định, chế độ của Nhà nước.

- Có hồ sơ gửi tới Bộ Thương mại theo hướng dẫn tại mục 2, điểm I, khoản B, phần thứ nhất, Thông tư số 4-TM/XNK.

b) Bộ Thương mại sẽ chọn trong số các doanh nghiệp thuộc loại trên để chỉ định 14 - 15 doanh nghiệp làm nòng cốt trong từng khu vực và trong khối các Bộ.

Các doanh nghiệp được chỉ định làm nòng cốt phải đạt thêm các điều kiện sau đây:

- Có kinh nghiệm nhập khẩu nhiều năm, có khách hàng cung cấp ổn định, nhập khẩu số lượng lớn.

- Trong năm 1992, 1993 trực tiếp nhập khẩu hết số lượng được Bộ Thương mại giao (không ủy thác doanh nghiệp khác, ngược lại được các doanh nghiệp khác tín nhiệm ủy thác).

1.2. Linh kiện dạng CKD để lắp ráp xe máy:

a) Tính đến nay Bộ Thương mại đã nhận được gần 60 bộ hồ sơ đăng ký nhập linh kiện dạng CKD để lắp ráp xe máy. Các cơ sở này đã có khả năng lắp ráp số lượng xe máy gấp 4 lần kế hoạch định hướng năm 1994. Bộ Thương mại sẽ tiến hành kiểm tra để xác định tính đúng đắn giữa hồ sơ và thực tế để việc giao số lượng nhập khẩu được hợp lý.

Để đỡ lãng phí công suất dây chuyền lắp ráp, Bộ Thương mại yêu cầu các doanh nghiệp khác (ngoài số doanh nghiệp đã có hồ sơ) không đầu tư xây dựng thêm cơ sở lắp ráp xe máy.

b) Trước mắt, Bộ Thương mại sẽ giao số lượng nhập khẩu linh kiện cho những doanh nghiệp có đủ các điều kiện, hồ sơ theo quy định trong Thông tư số 4-TM/XNK và đã có lắp ráp sản phẩm từ năm 1993 về trước. Đối với trường hợp cơ sở lắp ráp đã có Giấy chứng nhận của Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, tuy năm 1993 chưa lắp ráp, nhưng đã được kiểm tra, sẵn sàng đi vào sản xuất cũng được xem xét giao nhập khẩu linh kiện.

Các cơ sở lắp ráp khác đã có hồ sơ gửi tới Bộ Thương mại sẽ được Bộ Thương mại xem xét sau

khi kiểm tra tại chỗ theo quy hoạch và cơ chế quản lý sản phẩm thống nhất giữa Bộ Công nghiệp nặng, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Thương mại.

1.3. Các doanh nghiệp được giao nhập khẩu xe máy nguyên chiếc và linh kiện, một tháng trước khi văn bản giao nhập khẩu hết hiệu lực, phải gửi Bộ Thương mại báo cáo về tình hình thực hiện. Căn cứ báo cáo và kết hợp kiểm tra tại chỗ, Bộ Thương mại sẽ có biện pháp điều chỉnh phù hợp, kể cả việc chuyển toàn bộ hoặc phần chưa thực hiện cho doanh nghiệp khác.

2.1. Ô-tô dưới 12 chỗ ngồi, nguyên chiếc (loại mới):

Trước mắt, Bộ Thương mại giao cho chín doanh nghiệp được nhập khẩu theo nguyên tắc: Bộ Thương mại không giao trước số lượng, khi nào doanh nghiệp xuất trình L/C, Bộ Thương mại sẽ cấp giấy phép nhập khẩu theo số lượng ghi trong L/C. Trường hợp nhập số lượng lớn (trên 50 chiếc/chuyến) thì trước khi ký hợp đồng, mở L/C, doanh nghiệp phải xin phép Bộ Thương mại.

2.2. Linh kiện ô-tô dạng CKD:

Trước mắt giao cho các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam nhập khẩu.

3. Việc nhập khẩu ô-tô, xe máy nguyên chiếc, trong trường hợp đặc biệt khác với các quy định trên sẽ được Bộ Thương mại xem xét giải quyết từng trường hợp cụ thể.

II. Chỉ được tái xuất những mặt hàng nhập khẩu thuộc Danh mục số 3 khi có văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại, thuộc Danh mục số 4 khi có văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý chuyên ngành.

III. Về việc nhập khẩu hàng hóa ngoài 4 Danh mục nêu trong Quyết định số 238-TM/XNK và Thông tư số 4-TM/XNK.

1. Tư liệu sản xuất bao gồm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, phụ tùng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu.

1.1. Doanh nghiệp không được nhập khẩu hàng đã qua sử dụng: phụ tùng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu.

1.2. Nếu doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng, nhập khẩu các loại máy móc, phương tiện vận tải, kể cả loại đã qua sử dụng (trừ loại thuộc diện điều chỉnh của Quyết định số 238-TM/XNK) có đơn giá từ 10.000 USD trở xuống, thì Phòng Giấy phép chịu trách nhiệm xem xét và cấp giấy phép nhập khẩu.

1.3. Nếu doanh nghiệp có giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng, nhập khẩu thiết bị, máy móc, phương tiện vận tải, kể cả loại đã qua sử dụng, có đơn giá trên 10.000 USD thì Phòng Giấy phép chỉ cấp giấy phép nhập khẩu khi có văn bản chấp thuận của Bộ Thương mại.

Đối với một số loại hàng có khi là tư liệu sản xuất, có khi là tư liệu tiêu dùng (ví dụ mì chính, dầu shortening), chỉ được coi là tư liệu sản xuất khi doanh nghiệp có văn bản gửi đến Phòng Giấy phép chứng minh rằng toàn bộ số hàng nhập khẩu đó đều đưa vào sản xuất.

2. Hàng hóa không phải là tư liệu sản xuất: (khái niệm này thay cho các khái niệm: "hàng tiêu dùng", "hàng tiêu dùng thiết yếu", "đồ gia dụng").

2.1. Khi xem xét cấp giấy phép xuất nhập khẩu chuyên, Phòng Giấy phép căn cứ các giấy tờ sau đây của doanh nghiệp:

- Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng.

- Giấy yêu cầu nhập khẩu có xác nhận của Ngân hàng về số dư ngoại tệ tại thời điểm doanh nghiệp đề nghị nhập khẩu.

Trong văn bản đề nghị doanh nghiệp cần nêu rõ: tên hàng nhập khẩu, số lượng, trị giá, thị trường nhập khẩu, phương thức thanh toán, đồng tiền thanh toán; có xác nhận của Ngân hàng về số dư ngoại tệ từ nguồn thu xuất khẩu để thanh toán lô hàng nhập khẩu ghi trong bản đề nghị. Bộ Thương mại xét giải quyết từng trường hợp cụ thể, đặc biệt, nếu doanh nghiệp có số dư từ các nguồn thu khác.

Nhằm thực hiện được quy định này, mọi hình thức thanh toán theo các hợp đồng mua bán ngoại thương phải thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

2.2. Riêng trường hợp đã có văn bản cho phép của Bộ hoặc đã có giấy báo giao hàng trước ngày

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Phòng Giấy phép nhận được văn bản này, doanh nghiệp không phải lấy giấy của Ngân hàng xác nhận số dư ngoại tệ thu được từ xuất khẩu, vẫn được cấp giấy phép nhập khẩu chuyển, nhưng chậm nhất là ngày 30-6-1994 hàng phải về đến cửa khẩu Việt Nam.

3. Việc nhập khẩu các loại thực phẩm (như rượu, bia và đồ uống khác, rau quả tươi hoặc đã chế biến), tạp phẩm (như hàng may và hàng dệt, mũ, giày, dép, đồ gốm, sứ, thủy tinh, mỹ phẩm) vẫn phải được Bộ Thương mại chấp thuận bằng văn bản.

Đối với các doanh nghiệp đã nhập khẩu theo Quyết định số 405-TM/XNK ngày 13-4-1993 nếu đã có giấy báo giao hàng thì được cấp giấy phép nhập khẩu nhưng hàng phải về không quá ngày 30-6-1994 (đây là thời hạn cuối cùng áp dụng theo Quyết định số 405-TM/XNK).

B. GIẢI THÍCH VĂN BẢN:

I. Đối với các mặt hàng trước đây được chủ động nhập theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh nhưng nay lại thuộc Danh mục số 3, Danh mục số 4 thì được giải quyết như sau:

Nếu doanh nghiệp có Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu ngành hàng, đã có giấy báo giao hàng hoặc đã có vận tải đơn, hoặc đã mở L/C trước ngày Phòng Giấy phép nhận được văn bản này thì vẫn được Phòng Giấy phép cấp giấy phép nhập khẩu nốt số lượng đó nhưng chậm nhất là ngày 30-6-1994 hàng phải về đến cửa khẩu Việt Nam.

II. Về cấp giấy phép chuyển và thủ tục hải quan:

1. Đối với hàng nhập khẩu: Phòng Giấy phép cấp giấy phép nhập khẩu chuyển đối với tất cả các mặt hàng nhập khẩu.

2. Đối với hàng xuất khẩu: Bộ Thương mại thống nhất với Tổng cục Hải quan từ ngày 1-7-1994 bỏ chế độ cấp giấy phép xuất khẩu chuyển.

- Trừ xuất khẩu các mặt hàng thuộc các danh mục 1, 2, 3, 4.

- Trừ các trường hợp đặc biệt như hàng đổi hàng, hàng tái xuất, hàng tạm nhập để tái xuất,

hàng tạm xuất để tái nhập, hàng quá cảnh, hàng dự hội chợ, triển lãm, hàng gia công, hàng của các doanh nghiệp được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Từ nay đến hết tháng 6 là thời kỳ chuẩn bị (xem điểm 5 dưới đây) nên các Phòng Giấy phép vẫn cấp giấy phép xuất khẩu chuyển như thường lệ.

3. Khi đến Hải quan làm thủ tục, doanh nghiệp cần có hồ sơ gồm:

a) Đối với các mặt hàng thuộc diện Bộ Thương mại có cấp giấy phép chuyển: trong bộ hồ sơ theo quy định hiện hành của Tổng cục Hải quan, ngoài các chứng từ khác, chỉ cần giấy phép do Phòng Giấy phép xuất nhập khẩu cấp (không cần văn bản cho phép của Bộ Thương mại).

b) Đối với các mặt hàng thuộc diện Bộ Thương mại không cấp giấy phép chuyển: trong bộ hồ sơ theo quy định hiện hành của Tổng cục Hải quan, ngoài các chứng từ khác, sẽ không có giấy phép do Phòng Giấy phép cấp, thay vào đó là giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu (loại 7 chữ số) hoặc văn bản khác của Bộ Thương mại cho phép kinh doanh xuất nhập khẩu.

Kể từ khi thực hiện chế độ mới này, khi đến Hải quan làm thủ tục lần đầu tiên, doanh nghiệp cần nộp một bản photocopy có công chứng Giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc văn bản của Bộ Thương mại cho phép kinh doanh xuất nhập khẩu; các lần sau chỉ cần xuất trình giấy phép này.

4. Đối với các mặt hàng thuộc diện Bộ Thương mại không cấp giấy phép chuyển (nêu tại điểm 3b trên): doanh nghiệp phải làm thêm một tờ khai hải quan. Hải quan thu tờ khai thêm này để định kỳ, mỗi tuần một lần, gửi về Phòng Giấy phép xuất nhập khẩu gần nhất. Riêng ở Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ: Phòng Giấy phép xuất nhập khẩu sẽ trực tiếp đến Hải quan tỉnh, thành phố kể trên để nhận các tờ khai này, mỗi tuần một lần. Ngày gửi, ngày giao tờ khai do Hải quan ấn định và thông báo cho Phòng Giấy phép xuất nhập khẩu biết để tiếp nhận. Phòng Giấy phép cần chủ động bàn bạc và thống nhất chương trình làm việc với Hải quan khu vực.

5. Thời điểm thực hiện việc bỏ giấy phép chuyển đối với một số mặt hàng xuất khẩu:

Trước khi áp dụng trong cả nước, sẽ làm thí điểm để rút kinh nghiệm. Trước mắt, Bộ Thương mại và Tổng cục Hải quan thống nhất chọn Hải quan Hà Nội, Hải quan Hải Phòng và các doanh nghiệp xuất nhập khẩu thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ, các doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thực hiện việc thí điểm này.

Tiến độ thời gian thực hiện như sau:

- Từ ngày 21-4-1994 (sau khi kết thúc các cuộc tập huấn) đến ngày 15-5-1994 là thời gian chuẩn bị làm thí điểm.

- Từ ngày 16-5-1994 đến ngày 15-6-1994 là thời gian làm thí điểm.

- Từ ngày 16-6-1994 đến ngày 30-6-1994 là thời gian chuẩn bị áp dụng rộng rãi.

- Từ ngày 1-7-1994 áp dụng trong cả nước.

Các quy định điều chỉnh tại Thông tư này thay thế cho các quy định tương ứng tại Quyết định số 238-TM/XNK ngày 24-3-1994 và Thông tư số 4-TM/XNK ngày 4-4-1994 của Bộ Thương mại.

Trong quá trình thực hiện Quyết định số 238-TM/XNK, Thông tư số 4-TM/XNK và văn bản này, yêu cầu Phòng Giấy phép và doanh nghiệp xuất nhập khẩu thường xuyên báo cáo diễn biến tình hình với Bộ Thương mại để Bộ có biện pháp điều chỉnh, xử lý thích hợp, kịp thời.

K.T. Bộ trưởng Bộ Thương mại

Thư trưởng

TẠ CẢ